

Số: /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực  
đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Thái Nguyên  
giai đoạn 2026 - 2030**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, với các nội dung như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Cơ sở pháp lý**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;
- Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;
- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;
- Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;
- Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở;
- Nghị định số 311/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở;
- Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về

đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

- Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP;

- Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP;

- Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;

- Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

- Đề án số 16-ĐA/TU ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030;

- Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

- Trong giai đoạn hiện nay, giáo dục và đào tạo tiếp tục được xác định có vai trò quan trọng đối với phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài và tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; triển khai chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới quản trị nhà trường, nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ và hội nhập quốc tế đã đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và công chức ngành giáo dục.

- Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là nhân tố quyết định chất lượng giáo dục. Trong điều kiện nhiệm vụ giáo dục ngày càng lớn, yêu cầu về chuẩn trình độ được đào tạo, chuẩn nghề nghiệp, năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm, năng lực quản trị, năng lực ngoại ngữ, năng lực số và khả năng thích

ứng với yêu cầu đổi mới trở thành yêu cầu thường xuyên, lâu dài. Chính sách hỗ trợ đào tạo là giải pháp hỗ trợ về kinh phí cho cá nhân được cử đi học, đồng thời là nhiệm vụ quan trọng để địa phương chủ động xây dựng, phát triển đội ngũ, bảo đảm chất lượng giáo dục và đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

- Đối với tỉnh Thái Nguyên, Đề án số 16-ĐA/TU ngày 10/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 và Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 đã xác định nhiệm vụ phát triển đội ngũ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Việc ban hành Nghị quyết là cần thiết nhằm cụ thể hóa mục tiêu, chỉ tiêu của tỉnh, đồng thời bảo đảm cơ sở pháp lý để bố trí kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Dự thảo Nghị quyết dự kiến quy định bốn nhóm chính sách: chi trả học phí, truy lĩnh học phí cho giáo viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non công lập, ngoài công lập tham gia đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non; hỗ trợ học phí, truy lĩnh học phí cho giáo viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục ngoài công lập tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn; hỗ trợ đào tạo trên chuẩn trình độ được đào tạo đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và công chức ngành giáo dục; hỗ trợ đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm tiếng Anh, ngôn ngữ Anh đối với người đã có bằng đại học.

- Qua rà soát dự toán kinh phí thực hiện Nghị quyết, tổng nhu cầu kinh phí giai đoạn 2026 - 2030 dự kiến là 94.650.648.000 đồng, với tổng số 1.571 người dự kiến tham gia các nội dung đào tạo, hỗ trợ. Trong đó: chi trả học phí, truy lĩnh học phí đối với nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non tham gia đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học cho 858 người, kinh phí dự kiến 24.577.230.000 đồng; hỗ trợ học phí, truy lĩnh học phí nâng trình độ chuẩn đối với nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập cho 78 người, kinh phí dự kiến 1.703.418.000 đồng; hỗ trợ đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non cho 52 người, mức hỗ trợ 80.000.000 đồng/người/khóa đào tạo, kinh phí dự kiến 4.160.000.000 đồng; hỗ trợ đào tạo trình độ thạc sĩ cho 375 người, mức hỗ trợ 110.000.000 đồng/người/khóa đào tạo, kinh phí dự kiến 41.250.000.000 đồng; hỗ trợ đào tạo trình độ tiến sĩ cho 12 người, mức hỗ trợ 280.000.000 đồng/người/khóa đào tạo, kinh phí dự kiến 3.360.000.000 đồng; hỗ trợ đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm tiếng Anh, ngôn ngữ Anh cho 196 người, mức hỗ trợ 100.000.000 đồng/người/khóa đào tạo, kinh phí dự kiến 19.600.000.000 đồng.

- Nếu không có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, việc tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo sẽ thiếu cơ sở pháp lý thống nhất để áp dụng trong phạm vi toàn tỉnh, nhất là đối với nhóm chính sách của tỉnh như hỗ trợ cho cơ sở giáo dục ngoài công lập, đào tạo trên chuẩn trình độ được đào tạo và đào tạo đại học ngành sư phạm tiếng Anh, ngôn ngữ Anh. Điều đó có thể ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Đề án số 16-ĐA/TU, Quyết định số 2737/QĐ-UBND, lộ

trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo và mục tiêu phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2026 - 2030.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

- Ban hành Nghị quyết làm căn cứ pháp lý thống nhất để tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; bảo đảm thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo; nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghề nghiệp, năng lực quản lý, năng lực ngoại ngữ của đội ngũ; góp phần xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đạt chuẩn và từng bước nâng cao chất lượng.

- Tạo cơ sở để chi trả học phí, truy lĩnh học phí cho giáo viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non công lập và ngoài công lập đã tham gia đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non; hỗ trợ học phí, truy lĩnh học phí cho giáo viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục ngoài công lập đã tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn theo quy định.

- Hỗ trợ đào tạo cho giáo viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục công lập, ngoài công lập và công chức ngành giáo dục được cử đi đào tạo trên chuẩn trình độ được đào tạo, đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm tiếng Anh, ngôn ngữ Anh đối với người đã có bằng đại học, đáp ứng điều kiện về vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, nhu cầu sử dụng và kế hoạch phát triển đội ngũ của ngành giáo dục.

- Làm căn cứ để các cơ quan, đơn vị lập dự toán, thẩm định, phân bổ, cấp phát, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán, kiểm tra và giám sát kinh phí thực hiện chính sách theo đúng quy định của pháp luật.

### **2. Quan điểm**

- Bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo, phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và công chức ngành giáo dục; bảo đảm phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

- Bảo đảm đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung chính sách rõ ràng, khả thi, công khai, minh bạch, dễ tổ chức thực hiện, thuận lợi cho công tác quản lý, kiểm tra, giám sát.

- Việc hỗ trợ đào tạo phải gắn với vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn ngạch công chức, nhu cầu sử dụng, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của ngành giáo dục; đồng thời gắn trách nhiệm của người được hỗ trợ với cam kết thực hiện nhiệm vụ sau đào tạo.

- Mức hỗ trợ, phạm vi hỗ trợ và thời gian thực hiện chính sách được xác định trên cơ sở yêu cầu phát triển đội ngũ, số lượng đối tượng dự kiến thụ hưởng, khả năng cân đối ngân sách tỉnh và nguyên tắc quản lý, sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích.

- Chính sách áp dụng thống nhất, công bằng đối với người đủ điều kiện ở cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập; không phân biệt giới tính; bảo đảm quyền lợi chính đáng của đội ngũ đã tham gia đào tạo, đồng thời tạo động lực để đội ngũ tiếp tục học tập, nâng cao trình độ, gắn bó với ngành.

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

1. Ngày 23/5/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 5731/UBND-KGVX về việc đăng ký xây dựng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, trong đó đề nghị đăng ký Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

2. Ngày 27/5/2026, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Công văn số 300/HĐND-VP về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

3. Ngày 27/5/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 5992/UBND-KGVX về việc xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo trình tự.

4. Ngày 27/5/2026, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Công văn số 2748/SGDDT-TCHC đề nghị các sở, ban, ngành liên quan và các địa phương góp ý dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng thời đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của ngành để lấy ý kiến rộng rãi.

5. Căn cứ ý kiến góp ý của các đơn vị, địa phương, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý tại Báo cáo số .../BC-SGDDT ngày .../6/2026 và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

6. Ngày ... tháng ... năm 2026, Sở Giáo dục và Đào tạo gửi hồ sơ kèm Công văn số .../SGDDT-TCHC đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nhận được Báo cáo số .../BC-STP ngày ... tháng ... năm 2026 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

7. Ngày ... tháng ... năm 2026, Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết và trình Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số .../BC-SGDDT.

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn Luật.

### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

#### **1. Bố cục dự thảo Nghị quyết**

Ngoài phần căn cứ ban hành và phần ký ban hành, dự thảo Nghị quyết gồm 09 điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

Điều 3. Hỗ trợ học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non (công lập, ngoài công lập) tham gia đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non

Điều 4. Chi trả truy lĩnh học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non (công lập, ngoài công lập) đã hoàn thành chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non và được cấp bằng tốt nghiệp kể từ ngày 01/7/2020 nhưng chưa được thanh toán học phí

Điều 5. Hỗ trợ học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập tham gia đào tạo đạt trình độ chuẩn

Điều 6. Chi trả truy lĩnh học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn

Điều 7. Hỗ trợ đào tạo trên chuẩn trình độ

Điều 8. Hỗ trợ đào tạo trình độ đại học tiếng Anh

Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 10. Tổ chức thực hiện

Điều 11. Điều khoản thi hành

## **2. Nội dung cơ bản**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

- a) Nhà giáo, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.
- b) Nhà giáo, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập (dân lập, tư thục).
- c) Công chức của ngành Giáo dục tỉnh Thái Nguyên.
- d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách.

### **Điều 2. Nguyên tắc thực hiện**

1. Chính sách hỗ trợ đào tạo được thực hiện đúng đối tượng, công khai, minh bạch, bảo đảm hiệu quả, phù hợp với kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của ngành giáo dục và đào tạo tỉnh.

2. Việc cử đi đào tạo phải căn cứ vào tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm, nhu cầu sử dụng và kế hoạch phát triển đội ngũ của cơ quan, đơn vị.

3. Trường hợp một người được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ đào tạo khác nhau thì chỉ được hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

4. Không áp dụng chính sách đối với các trường hợp:

a) Tham gia đào tạo trong giai đoạn thực hiện chính sách nhưng không có quyết định hoặc văn bản cử đi đào tạo của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền kể từ khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

b) Đang hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo từ các chương trình, đề án khác của Trung ương hoặc địa phương;

c) Không hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định.

5. Thời gian không tính hưởng chính sách thu hút gồm thời gian nghỉ chế độ thai sản; nghỉ việc riêng không hưởng lương; nghỉ ốm, bị tạm đình chỉ công tác từ 01 tháng trở lên.

6. Người được hỗ trợ đào tạo phải cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị, địa phương sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo.

7. Thực hiện đền bù chi phí đào tạo theo quy định tại các Điều từ Điều 7 đến Điều 14 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

8. Các mức hỗ trợ quy định trong Nghị quyết này được giữ nguyên kể cả khi chính sách tiền lương thay đổi; không dùng làm căn cứ để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

9. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định mới.

**Điều 3. Hỗ trợ học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non (công lập, ngoài công lập) tham gia đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non**

1. Đối tượng:

- Nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non (công lập, ngoài công lập) đang tham gia đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non và được cấp bằng tốt nghiệp trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non (công lập, ngoài công lập) được cử tham gia đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non, hoàn thành chương trình đào tạo và được cấp bằng tốt nghiệp trong giai đoạn 2026-2030.

2. Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ học phí bằng mức thu học phí của cơ sở đào tạo nơi nhà giáo, cán bộ quản lý theo học.

3. Thời gian hỗ trợ: Tính từ tham gia đào tạo đến khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cấp bằng tốt nghiệp. Thời gian hỗ trợ không bao gồm phần thời gian học vượt quá quy định, trừ các trường hợp bất khả kháng.

**Điều 4. Chi trả truy lĩnh học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non (công lập, ngoài công lập) đã hoàn thành chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non và được cấp bằng tốt nghiệp kể từ ngày 01/7/2020 nhưng chưa được thanh toán học phí**

1. Đối tượng: Nhà giáo, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục mầm non (công lập, ngoài công lập) đã hoàn thành chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non và được cấp bằng tốt nghiệp kể từ ngày 01/7/2020 nhưng chưa được thanh toán học phí.

2. Nội dung, mức hỗ trợ: Thanh toán học phí theo mức thu của cơ sở đào tạo tại thời điểm tham gia học.

3. Thời gian thực hiện: Hoàn thành chi trả truy lĩnh trước ngày 31/12/2027.

**Điều 5. Hỗ trợ học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập tham gia đào tạo đạt trình độ chuẩn**

1. Đối tượng:

- Nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập đang tham gia đào tạo đạt trình độ chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục theo từng cấp học và được cấp bằng tốt nghiệp trong giai đoạn 2026-2030.

- Nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập được cử tham gia đào tạo đạt trình độ chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục theo từng cấp học, hoàn thành chương trình đào tạo và được cấp bằng tốt nghiệp trong giai đoạn 2026-2030.

2. Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ học phí bằng mức thu học phí của cơ sở đào tạo nơi nhà giáo, cán bộ quản lý theo học.

3. Thời gian hỗ trợ: Tính từ tham gia đào tạo đến khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cấp bằng tốt nghiệp. Thời gian hỗ trợ không bao gồm phần thời gian học vượt quá quy định, trừ các trường hợp bất khả kháng.

**Điều 6. Chi trả truy lĩnh học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn**

1. Đối tượng: Nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập đã hoàn thành đào tạo nâng chuẩn trình độ từ ngày 01/7/2020 nhưng chưa được thanh toán học phí.

2. Nội dung, mức hỗ trợ: Thanh toán học phí theo mức thu của cơ sở đào tạo tại thời điểm tham gia học.

3. Thời gian thực hiện: Hoàn thành chi trả truy lĩnh trước ngày 31/12/2027.

**Điều 7. Hỗ trợ đào tạo trên chuẩn trình độ**

1. Đối tượng

a) Nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non công lập có trình độ cao đẳng được cử đi đào tạo trình độ đại học.



b) Nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên có trình độ đại học được cử đi đào tạo trình độ sau đại học.

c) Công chức ngành giáo dục và đào tạo có trình độ đại học được cử đi đào tạo trình độ sau đại học.

## 2. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí đào tạo theo hóa đơn của cơ sở đào tạo.

b) Hỗ trợ chi phí tài liệu học tập, đi lại, lưu trú trong thời gian học tập trung.

## 3. Mức hỗ trợ

a) Đào tạo trình độ đại học: 80 triệu đồng/người/khóa đào tạo.

b) Đào tạo trình độ thạc sĩ: 110 triệu đồng/người/khóa đào tạo.

c) Đào tạo trình độ tiến sĩ: 280 triệu đồng/người/khóa đào tạo.

4. Thời gian hỗ trợ: Tính từ khi có quyết định cử đi học (trong giai đoạn 2026-2030) đến khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cấp bằng tốt nghiệp. Thời gian hỗ trợ không bao gồm phần thời gian học vượt quá quy định, trừ các trường hợp bất khả kháng.

## **Điều 8. Hỗ trợ đào tạo trình độ đại học tiếng Anh**

1. Đối tượng: Nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và công chức ngành giáo dục đã có bằng đại học được cử đi đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm tiếng Anh hoặc ngôn ngữ Anh.

## 2. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ học phí theo quy định của cơ sở đào tạo.

b) Hỗ trợ chi phí tài liệu, đi lại, lưu trú trong thời gian học tập.

3. Mức hỗ trợ: 100 triệu đồng/người/khóa đào tạo.

4. Thời gian hỗ trợ: Tính từ khi có quyết định cử đi học (trong giai đoạn 2026-2030) đến khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cấp bằng tốt nghiệp. Thời gian hỗ trợ không bao gồm phần thời gian học vượt quá quy định, trừ các trường hợp bất khả kháng.

## **Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện chính sách được bảo đảm từ ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 10. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo quy định.

### **Điều 11. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

## **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VÀ THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA**

### **1. Dự kiến nguồn lực thực hiện**

Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách trong giai đoạn 2026 - 2030 được xác định theo từng nhóm chính sách như sau:

*Đơn vị tính: Nghìn đồng.*

| <b>STT</b> | <b>Nội dung chính sách</b>   | <b>Quy mô, mức hỗ trợ dự kiến</b>  | <b>Kinh phí dự kiến</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|--|--|-------------------------|----------------|
| 1          | Chi trả học phí, truy lĩnh học phí đối với giáo viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non tham gia đào tạo liên thông từ trung cấp lên đại học | Theo hồ sơ rà soát;<br>mức chi theo học phí thực tế đủ điều kiện;<br>858 người | 24.577.230              |                |
| 2          | Hỗ trợ học phí, truy lĩnh học phí nâng trình độ chuẩn đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục ngoài công lập                                | Theo hồ sơ rà soát;<br>mức chi theo học phí thực tế đủ điều kiện;<br>78 người  | 1.703.418               |                |
| 3          | Hỗ trợ đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học ngành Giáo dục mầm non   | 52 người; 80.000.000 đồng/người/khóa đào tạo                                   | 4.160.000               |                |
| 4          | Hỗ trợ đào tạo thạc sĩ   | 375 người; 110.000.000 đồng/người/khóa đào tạo                                 | 41.250.000              |                |
| 5          | Hỗ trợ đào tạo tiến sĩ   | 12 người; 280.000.000 đồng/người/khóa đào tạo                                  | 3.360.000               |                |
| 5          | Hỗ trợ đào tạo văn bằng 2 ngành sư phạm tiếng Anh, ngôn ngữ Anh  | 196 người; 100.000.000 đồng/người/khóa đào tạo                                 | 19.600.000              |                |
|            | <b>Tổng nhu cầu kinh phí giai đoạn 2026 - 2030</b>   | <b>1.571 người dự kiến tham gia các nội dung đào tạo</b>                       | <b>94.650.648</b>       |                |

Số liệu kinh phí nêu trên được xác định trên cơ sở số lượng đối tượng dự kiến thụ hưởng, nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ dự kiến và thời gian thực hiện chính sách trong giai đoạn 2026 - 2030. Khi triển khai thực hiện, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, cập nhật số lượng đối tượng, hồ sơ đủ điều kiện, mức học phí thực tế, quyết định cử đi đào tạo, thời gian đào tạo và khả năng cân đối ngân sách để lập dự toán, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo quy định.

## **2. Nguồn kinh phí**

Kinh phí thực hiện chính sách do ngân sách tỉnh bảo đảm, được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo hằng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành; đồng thời huy động, sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

## **3. Điều kiện bảo đảm thực hiện**

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ, các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ sở giáo dục hướng dẫn việc rà soát, xác định đối tượng, điều kiện hưởng chính sách, lập danh sách, lập dự toán, quản lý hồ sơ, theo dõi quá trình học tập, bố trí sử dụng sau đào tạo và tổng hợp kinh phí thực hiện hằng năm.

- Các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý, sử dụng công chức, viên chức chịu trách nhiệm toàn diện về việc rà soát đúng đối tượng, kiểm tra điều kiện, đối chiếu hồ sơ, xác nhận quá trình đào tạo, mức học phí đã nộp, tình trạng chưa được thanh toán học phí, quyết định cử đi đào tạo, cam kết sau đào tạo và lập danh sách đề nghị hỗ trợ; bảo đảm đúng người, đúng điều kiện, đúng nội dung, đúng mức hỗ trợ, không trùng lặp, không bỏ sót đối tượng đủ điều kiện.

- Người được hỗ trợ có trách nhiệm kê khai trung thực, cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh quá trình tham gia đào tạo, kết quả đào tạo, mức học phí đã nộp và tình trạng chưa được thanh toán; chấp hành quyết định cử đi đào tạo, hoàn thành chương trình đào tạo, thực hiện nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị theo cam kết và hoàn trả kinh phí đào tạo trong các trường hợp phải đền bù theo quy định.

- Cơ quan tài chính thực hiện thẩm định, tham mưu bố trí kinh phí trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo, chi đào tạo, bồi dưỡng hằng năm; hướng dẫn thanh toán, quyết toán, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Trong quá trình thực hiện cần công khai, minh bạch danh sách đối tượng, mức hỗ trợ, kết quả hỗ trợ; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời xử lý trường hợp đề nghị hỗ trợ không đúng đối tượng, không đủ điều kiện, trùng lặp chính sách hoặc sử dụng kinh phí không đúng mục đích.

#### 4. Thời gian dự kiến trình thông qua

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết tại Kỳ họp chuyên đề Hội đồng nhân dân tỉnh tháng      năm 2026 để kịp thời áp dụng từ năm học 2026 - 2027.

Trên đây là Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

*(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Bản thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết; (3) Biểu dự toán kinh phí; (4) Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương; (5) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (6) Báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; (7) Bản scan các ý kiến của các cơ quan, đơn vị, địa phương)./.*

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo;  
Tài chính, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX. Thẩngpv.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Văn Lượng**